

TIÊU CHUẨN VIỆT NAM..

TCVN 3986 : 1992

HỆ THỐNG TÀI LIỆU THIẾT KẾ XÂY DỰNG. CÁC KẾT CẤU CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG. KÍ HIỆU QUI ƯỚC CHUNG

System of design documents, structural Components in buildings. General symbols and conventions

1. Quy định chung

1.1. Tiêu chuẩn này quy định kí hiệu qui ước bằng chữ và số của các kết cấu công trình nhà ở dân dụng và công nghiệp trên các bản vẽ thiết kế (đặc biệt bản vẽ sơ đồ lắp đặt các cấu kiện BTCT)

Ngoài những qui định trong tiêu chuẩn này, phải tuân theo những qui định trong các tiêu chuẩn khác thuộc hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng có liên quan

1.2. Khi dùng những kí hiệu bằng chữ và số chưa được qui định trong tiêu chuẩn này thì phải có chú thích, và phải tuân theo qui định trong mục 2.1. của tiêu chuẩn này.

2. Cấu tạo của kí hiệu

2.1. Kí hiệu qui ước gồm 4 nhóm:

Nhóm 1: Gồm các chữ in hoa viết tắt tên của kết cấu

Thí dụ:

Móng : M
Vì kèo : VK
Khung: K
Ban công: BC

Ngoài ra bên cạnh chữ in hoa cho phép ghi thêm các chữ in thường để tránh trùng lặp và chỉ rõ loại kết cấu.

Thí dụ: Dầm trần: Dtr

Nhóm 2: Gồm các chữ cái thường để chỉ vật liệu dùng làm kết cấu, viết dưới dạng số mũ.

Thí dụ: Cột bê tông cốt thép C^{btct}
Cột gạch C^{gh}
Cột bê tông C^{bt}
Cột gỗ C^g
Cột thép C^t

Trong những trường hợp hệ kết cấu chịu lực chính của công trình làm bằng một loại vật liệu chủ yếu thì trên kí hiệu cho các kết cấu đó không cần phải ghi nhóm này

Nhóm 3: Gồm chữ số, chỉ vị trí tầng của kết cấu, viết ngang hàng với nhóm 1. Đối với các kết cấu của công trình một tầng và các kết cấu móng không cần ghi nhóm này

Nhóm 4: Gồm số có hai chữ số, chỉ thứ tự kết cấu, viết sau nhóm 3. Nhóm 4 được phân cách với nhóm 3 bằng dấu chấm

Thí dụ: Cột tầng 3 số 2: C3.02

2.2. Một số kí hiệu thông thường

Các kí hiệu thường dùng được nêu trong bảng dưới đây:

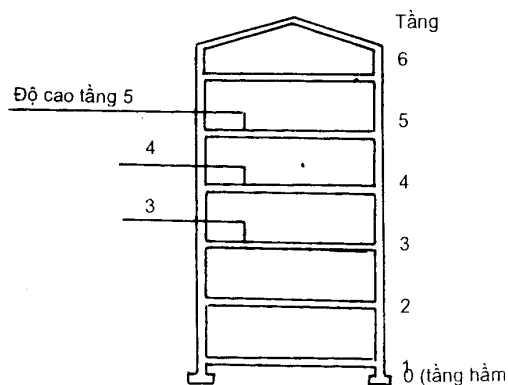
Tên kết cấu	Kí hiệu qui ước	Tên kết cấu	Kí hiệu qui ước
Móng	M	Khung	K

- Móng máy	Mm	- Dầm	
- Bàn móng	Bm	- Dầm trần	D
- Sườn móng	Sm	- Dầm mái	Dtr
- Dầm móng	Dmg	- Vĩ kèo	Dm
- Cọc	Cc	- Tường	VK
- Đài cọc	Đc	- Cầu thang	T
- Giàng	G	- Cốt thang	CT
- Cột	C	- Lanh tô	Cth
- Lanh tô có ô văng	Lô	- Vòm	L
- Ô văng	Ôv	- Máng nước	V
- Ban công	BC	- Bể nước	MN
- Công xôn	CS	- Panen	BN
- Bản	B	- Panen mái	P
- Bản sàn	Bs	- Panen sàn	Pm
			Ps

Phụ lục 1

(Qui định tên gọi của tầng nhà)

- Tầng nhà là không gian giữa hai "độ cao", được bao bọc bởi sàn, trần và các tường (kể cả những giới hạn này)
- Mỗi tầng được gọi tên bằng một số. Số đặt cho tầng được qui định từ thấp lên cao, bắt đầu từ số 1. Tầng hầm được gọi là "tầng 0" (hình 1)
- Độ cao của tầng qui định là mặt trên của sàn chịu lực

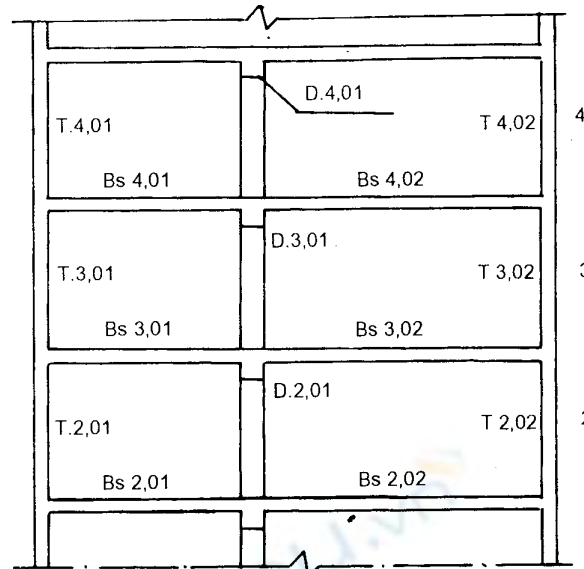


Hình 1: Tên gọi các tầng và độ cao của tầng nhà

Phụ lục 2

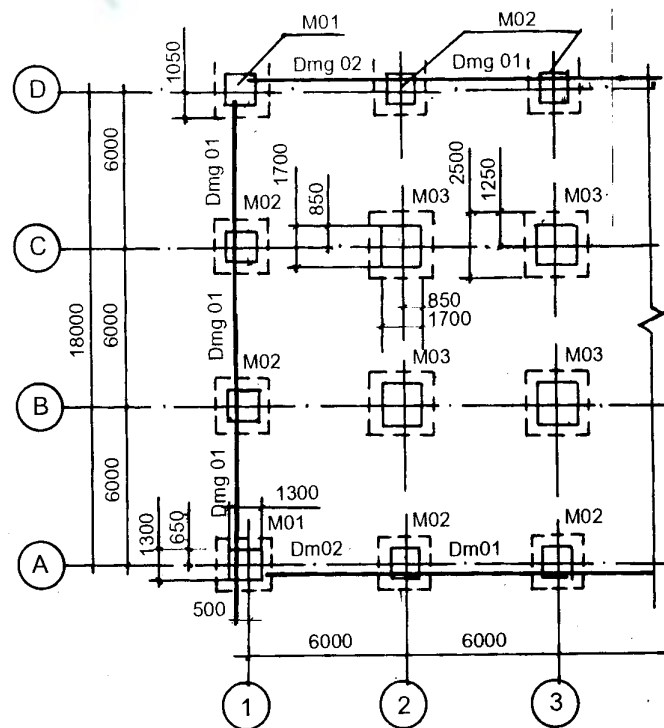
(Cách ghi kí hiệu qui ước trên bản vẽ)

1. Cách ghi kí hiệu qui ước các kết cấu trên mặt cắt (hình 1)



Hình 1:

2. Cách ghi kí hiệu qui ước các kết cấu trên mặt phẳng (hình 2)



Hình 2: Mặt bằng móng (Bản vẽ lắp đặt kết cấu)